

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiết Cường

Ông Thạch Mu Ni

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: x, F, D, S, C, TN y - USA (Hoa Kỳ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày: Qua sự giới thiệu của người quen và được sự đồng ý của gia đình hai bên, chị và anh Nguyễn Hữu L đồng ý kết hôn với nhau và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03/02/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại Việt Nam được một thời gian ngắn thì anh L xuất cảnh trở về Hoa Kỳ và từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Mặc dù, chị cố gắng vun đắp tình cảm nhưng vì mỗi người sinh sống ở một đất nước khác nhau nên không thể đoàn tụ được và chị cảm thấy không thể duy trì cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Nguyễn Hữu L trình bày: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H; về con chung, tài sản chung và nợ chung, không có. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đưa ra xét xử sớm hơn so với thời gian đã ấn định trong thông báo về việc thụ lý vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy anh L và chị H kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh L và chị H không thực hiện được tình nghĩa vợ chồng và cả hai người đều đồng ý ly hôn với nhau, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H và anh L ly hôn với nhau. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H và bị đơn Nguyễn Hữu L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 12, 22). Căn cứ vào Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03/02/2016 (BL 05). Sau khi kết hôn, chị H và anh L sống chung với nhau tại Việt Nam được một thời gian ngắn thì anh L xuất cảnh trở về Hoa Kỳ. Nay, chị H và anh L đều xác định đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đều đồng ý ly hôn với nhau. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị H và anh L đều khai, không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh L đều khai, không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh L đều khai, không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H ly hôn với anh L, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, buộc chị Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng

được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Trần Thị Mỹ H đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014510, ngày 08/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị Mỹ H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ H ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

2. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Trần Thị Mỹ H đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014510, ngày 08/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện T, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đê